

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/20221/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1999

Nơi ĐKKK: thôn D, xã C, huyện T, tỉnh B;

Nơi cư trú: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: thôn D, xã C, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: giao cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huy H, sinh ngày 29/9/2020, anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 22/3/2019. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị D và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D, anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Trần Thị D phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011467 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B. Chị Trần Thị D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Oanh